

UBND XÃ HẢI THỊNH  
**TRƯỜNG TIỂU HỌC HẢI NINH**

Số: 241/QĐ-THHNINH

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Hải Thịnh, ngày 31 tháng 12 năm 2025*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai tình hình mua sắm, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc,  
tài sản công, tài sản cố định năm 2025 của Trường Tiểu học Hải Ninh**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ biên bản họp hội đồng sư phạm Trường tiểu học Hải Ninh ngày 31/12/2025.

Xét đề nghị của bộ phận tài chính, kế toán Trường tiểu học Hải Ninh

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Công bố công khai tình hình mua sắm, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, tài sản công, tài sản cố định năm 2025 của Trường tiểu học Hải Ninh (Các biểu 09a-CK/TSC; 09b-CK/TSC; 09c-CK/TSC; 10a-CK/TSC, 10b-CK/TSC theo Thông tư 144/2017/TT-BTC)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính, kế toán, công đoàn tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Kế toán tài chính;
- Đăng công TTĐT;
- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Lưu: VT, TC.



**Trần Thị Thảo**

Cơ quan quản lý cấp trên: Ủy ban nhân dân xã Hải Thịnh  
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Hải Ninh  
Mã đơn vị: 1107996  
Loại hình đơn vị: Khó khăn sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG  
NĂM 2025

| Stt | Tên tài sản                                            | Đơn vị tính | Số lượng | Nhãn hiệu | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Giá mua/ thuê (Nghìn đồng) | Hình thức mua sắm/ thuê | Nhà cung cấp (người bán) | Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) | Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có) |                                 |    | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------|-------------|----------|-----------|---------------|--------------|----------------------------|-------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----|---------|
|     |                                                        |             |          |           |               |              |                            |                         |                          |                                                                                            | Nộp NSNN (Nghìn đồng)                                            | Được để lại đơn vị (Nghìn đồng) |    |         |
| 1   | 2                                                      | 3           | 4        | 5         | 6             | 7            | 8                          | 9                       | 10                       | 11                                                                                         | 12                                                               | 13                              | 14 |         |
| I   | Đầu tư xây dựng, mua sắm                               |             | 0        |           |               |              | 0                          |                         |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |    |         |
| 1   | Trụ sở làm việc/cơ sở HD sự nghiệp                     |             |          |           |               |              |                            |                         |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |    |         |
| 2   | Xe ô tô                                                |             |          |           |               |              |                            |                         |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |    |         |
| 3   | Tài sản cố định khác                                   |             |          |           |               |              |                            |                         |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |    |         |
| II  | Tài sản giao mới                                       |             |          |           |               |              |                            |                         |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |    |         |
| III | Tài sản đi thuê                                        |             |          |           |               |              |                            |                         |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |    |         |
| IV  | Tài sản từ nguồn viện trợ, quà biếu, tặng cho (nếu có) |             |          |           |               |              |                            |                         |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |    |         |
|     | Tổng cộng                                              |             | 0        |           |               |              | 0                          |                         |                          |                                                                                            |                                                                  |                                 |    |         |

NGƯỜI LẬP BIỂU  
(Ký, họ tên)  
Trần Thị Thảo

Ngày 31 tháng 12 năm 2025  
TRƯỜNG TIỂU HỌC HẢI NINH  
TIỂU HỌC HẢI NINH  
Hải Ninh

Cơ quan quản lý cấp trên: Ủy ban nhân dân xã Hải Thịnh  
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Hải Ninh  
Mã đơn vị: 1107996  
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP  
NĂM 2025

| STT | Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp     | Công khai về đất            |                                                        |                                                                  |                     |            |          |                      |              |             |                                              | Công khai về nhà                     |                 |                 |                                                                                                   |            |          |                      |                 |              |    | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------|------------|----------|----------------------|--------------|-------------|----------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------|----------------------|-----------------|--------------|----|---------|
|     |                                                         | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng) | Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m <sup>2</sup> ) |                     |            |          |                      |              | Năm sử dụng | Tổng diện tích sản sử dụng (m <sup>2</sup> ) | Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng) |                 | Trụ sở làm việc | Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sản sử dụng (m <sup>2</sup> )) |            |          |                      |                 | Sử dụng khác |    |         |
|     |                                                         |                             |                                                        | Trụ sở làm việc                                                  | Hoạt động sự nghiệp |            |          |                      | Sử dụng khác |             |                                              | Nguyên giá                           | Giá trị còn lại |                 | Không kinh doanh                                                                                  | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp |              |    |         |
|     |                                                         |                             |                                                        |                                                                  | Không kinh doanh    | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết |              |             |                                              |                                      |                 |                 |                                                                                                   |            |          |                      |                 |              |    |         |
| 1   | 2                                                       | 3                           | 4                                                      | 5                                                                | 6                   | 7          | 8        | 9                    | 10           | 11          | 12                                           | 13                                   | 14              | 15              | 16                                                                                                | 17         | 18       | 19                   | 20              | 21           | 22 |         |
| 1   | Quyền sử dụng đất Thôn 34, xã Hải Thịnh, tỉnh Ninh Bình | 5.670                       |                                                        |                                                                  | 5.670               |            |          |                      |              |             |                                              |                                      |                 |                 |                                                                                                   |            |          |                      |                 |              |    |         |
| 2   | Dãy nhà cấp 4                                           |                             |                                                        |                                                                  |                     |            |          |                      |              | 1992        |                                              |                                      |                 |                 |                                                                                                   |            |          |                      |                 |              |    |         |
| 3   | Dãy nhà 2 tầng hướng nam                                |                             |                                                        |                                                                  |                     |            |          |                      |              | 2003        |                                              |                                      |                 |                 |                                                                                                   |            |          |                      |                 |              |    |         |
| 4   | Dãy nhà 2 tầng hướng đông                               |                             |                                                        |                                                                  |                     |            |          |                      |              | 2005        |                                              |                                      |                 |                 |                                                                                                   |            |          |                      |                 |              |    |         |
| 5   | Dãy nhà 2 tầng hướng đông                               |                             |                                                        |                                                                  |                     |            |          |                      |              | 2024        |                                              |                                      |                 |                 |                                                                                                   |            |          |                      |                 |              |    |         |
|     | Tổng cộng:                                              | 5.670                       |                                                        |                                                                  | 5.670               |            |          |                      |              |             | 0                                            |                                      |                 |                 |                                                                                                   |            |          |                      |                 |              |    |         |

NGƯỜI LẬP BIỂU  
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Sen



Trần Thị Thảo



**NĂM 2025**

[illegible]



| STT | Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức          | Bộ phận sử dụng    | Số lượng | Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng) |                 |            |                 |                                 |                        | Mục đích sử dụng          |            |          |                      |              |  |
|-----|------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------|--------------------------------------------------------------|-----------------|------------|-----------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------|------------|----------|----------------------|--------------|--|
|     |                                                                        |                    |          | Nguyên giá                                                   |                 |            | Giá trị còn lại | Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn | Phục vụ công tác chung | Phục vụ hoạt động đặc thù | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng khác |  |
|     |                                                                        |                    |          | Tổng cộng                                                    | Trong đó        |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |  |
|     |                                                                        |                    |          |                                                              | Nguồn ngân sách | Nguồn khác |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 1   | 2                                                                      | 3                  | 4        | 5                                                            | 6               | 7          | 8               | 9                               | 10                     | 11                        | 12         | 13       | 14                   | 15           |  |
|     | Loại: Thiết bị lọc nước                                                |                    |          |                                                              |                 |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 10  | Máy lọc nước                                                           | Trường TH Hải Ninh | 1        | 11.800                                                       | 11.800          |            | 0               |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |  |
|     | Loại: Tivi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác |                    |          |                                                              |                 |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 11  | SmartTivi Samsung 55 inch                                              | Trường TH Hải Ninh | 1        | 27.000                                                       | 27.000          |            | 0               |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 12  | Tivi Samsung 75 inch                                                   | Trường TH Hải Ninh | 1        | 13.500                                                       |                 | 13.500     | 8.100           |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |  |
|     | Loại: Thiết bị âm thanh                                                |                    |          |                                                              |                 |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 13  | Hệ thống âm thanh                                                      | Trường TH Hải Ninh | 1        | 72.950                                                       | 72.950          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |  |
|     | Loại: Camera giám sát                                                  |                    |          |                                                              |                 |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 14  | Camera giám sát                                                        | Trường TH Hải Ninh | 1        | 30.626                                                       |                 | 30.626     |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |  |
|     | Loại: Bộ bàn ghế tiếp khách                                            |                    |          |                                                              |                 |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 15  | Bàn ghế salon                                                          | Trường TH Hải Ninh | 1        | 12.000                                                       | 12.000          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |  |
|     | Loại: Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động dùng chung                   |                    |          |                                                              |                 |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 16  | Bàn bóng bàn                                                           | Trường TH Hải Ninh | 1        | 14.970                                                       |                 | 14.970     | 11.227,5        |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |  |
|     | Loại: Thiết bị điện văn phòng                                          |                    |          |                                                              |                 |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |  |
| 17  | Ôn áp Lioa 20KVA                                                       | Trường TH Hải Ninh | 1        | 18.000                                                       | 18.000          |            |                 |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |  |
|     | Tổng cộng                                                              |                    | 19       | 496.706                                                      | 368.170         | 128.536    | 87.859,5        |                                 |                        |                           |            |          |                      |              |  |

NGƯỜI LẬP BIỂU  
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025



Nguyễn Thị Sen

Trần Thị Thảo

Cơ quan quản lý cấp trên: Ủy ban nhân dân xã Hải Thịnh  
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Hải Ninh  
Mã đơn vị: 1107996  
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 10a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG  
NĂM 2025

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m<sup>2</sup> ; Nguyên giá là: Nghìn đồng.

| STT | TÀI SẢN                  | ĐẦU TƯ XÂY DỰNG/ MUA SẮM |           |            | TIẾP NHẬN |           |            | THUÊ     |           |            |
|-----|--------------------------|--------------------------|-----------|------------|-----------|-----------|------------|----------|-----------|------------|
|     |                          | Số lượng                 | Diện tích | Nguyên giá | Số lượng  | Diện tích | Nguyên giá | Số lượng | Diện tích | Nguyên giá |
| 1   | 2                        | 3                        | 4         | 5          | 6         | 7         | 8          | 9        | 10        | 11         |
| I   | Trường Tiểu học Hải Ninh | 0                        |           | 0          | 0         | 0         | 0          |          |           |            |
|     | 1- Đất khuôn viên        |                          |           |            |           |           |            |          |           |            |
|     | 2- Nhà                   |                          |           |            |           |           |            |          |           |            |
|     | 3- Xe ô tô               |                          |           |            |           |           |            |          |           |            |
|     | 4- Tài sản cố định khác  |                          |           |            |           |           |            |          |           |            |
|     | Tổng cộng                | 0                        |           | 0          | 0         | 0         | 0          | 0        |           |            |

NGƯỜI LẬP BIỂU  
(Ký, họ tên)

*Handwritten signature*

Nguyễn Thị Sen

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
(Ký, họ tên và đóng dấu)  
*Handwritten signature*  
TRƯỜNG TIỂU HỌC HẢI NINH

Trần Thị Thảo



Cơ quan quản lý cấp trên: Ủy ban nhân dân xã Hải Thịnh  
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Hải Ninh  
Mã đơn vị: 1107996  
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 10b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG

NĂM 2025

| STT | TÀI SẢN                  | TỔNG CỘNG |           | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG |                     |            |          |                      |                 | Sử dụng khác |
|-----|--------------------------|-----------|-----------|--------------------|---------------------|------------|----------|----------------------|-----------------|--------------|
|     |                          |           |           | Quản lý nhà nước   | Hoạt động sự nghiệp |            |          |                      | Sử dụng hỗn hợp |              |
|     |                          | SỐ LƯỢNG  | DIỆN TÍCH |                    | Không kinh doanh    | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết |                 |              |
| 1   | 2                        | 3         | 4         | 5                  | 6                   | 7          | 8        | 9                    | 10              | 11           |
| I   | Trường Tiểu học Hải Ninh | 23        | 5.675     |                    |                     |            |          |                      |                 |              |
|     | 1- Đất khuôn viên        |           | 5.675     |                    | 5.675               |            |          |                      |                 |              |
|     | 2- Nhà                   | 4         |           |                    | 4                   |            |          |                      |                 |              |
|     | 3- Xe ô tô               |           |           |                    |                     |            |          |                      |                 |              |
|     | 4- Tài sản cố định khác  | 19        |           |                    | 19                  |            |          |                      |                 |              |
|     | Tổng cộng                | 23        | 5.675     |                    | 5.698               |            |          |                      |                 |              |

NGƯỜI LẬP BIỂU  
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Sen

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trần Thị Thảo

## **BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG**

*Về việc công bố công khai tình hình mua sắm, quản lý, sử dụng  
trụ sở làm việc, tài sản công, tài sản cố định năm 2025*

**I. Thời gian:** 9 h 00 phút giờ ngày 31 tháng 12 năm 2025

**II. Địa điểm:** Tại văn phòng trường Tiểu học Hải Ninh

**III. Thành phần lập biên bản:**

- |                           |                                 |
|---------------------------|---------------------------------|
| 1. Đ/c Trần Thị Thảo      | - Hiệu trưởng                   |
| 2. Đ/c Trần Thị Thúy Hiền | - Phó hiệu trưởng               |
| 3. Đ/c Nguyễn Văn Sang    | - Trưởng ban thanh tra nhân dân |
| 4. Đ/c Nguyễn Thị Sen     | - Kế toán                       |

Cùng toàn thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên trường tiểu học Hải Ninh.

**IV. Nội dung.**

- Đ/c Trần Thị Thảo – Hiệu trưởng – Chủ tài khoản triển khai nội dung.
- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- 2. Hình thức công khai:
  - Đồng chí Nguyễn Thị Sen - Kế toán đọc công khai nội dung, số liệu trong các biểu mẫu công khai theo quy định tại Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cụ thể:
    - + Công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản công năm 2025 (Biểu 09a-CK/TSC);
    - + Công khai tình hình quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp năm 2025 (Biểu 09b-CK/TSC);
    - + Công khai tình hình quản lý, sử dụng xe ô tô và tài sản cố định khác năm 2025 (Biểu 09c-CK/TSC);
    - + Công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản công năm 2025 (Biểu 10a-CK/TSC);
    - + Công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2025 (Biểu 10b-CK/TSC).



- Niêm yết công khai tình hình mua sắm, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, tài sản công, tài sản cố định năm 2025 (Biểu số 09a-CK/TSC; 09b-CK/TSC; 09c-CK/TSC; 10a-CK/TSC, 10b-CK/TSC Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) tại văn phòng trường Trường tiểu học Hải Ninh trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày 31/12/2025 đến ngày 31/3/2026.

- Công khai các biểu mẫu số 09a-CK/TSC; 09b-CK/TSC; 09c-CK/TSC; 10a-CK/TSC, 10b-CK/TSC trên cổng thông tin điện tử của nhà trường địa chỉ: <http://thhaininh.namdinh.edu.vn/>

**3. Ý kiến các đồng chí trong hội đồng:**

Các đồng chí trong hội đồng đều nhất trí với các nội dung công khai trên.

Buổi họp kết thúc vào hồi 9 giờ 45 phút cùng ngày và được các thành viên trong hội đồng nhất trí 100%.

**NGƯỜI VIẾT BIÊN BẢN**



**Phạm Thị Thê**

**CHỦ TOạ CUỘC HỌP**



**Trần Thị Thảo**